

PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

A. GIỚI THIỆU VỀ GÓI THẦU

I. PHẠM VI CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU:

Thi công xây lắp hoàn thành công trình theo hồ sơ thiết kế BVTC của công trình Khu dân cư nông thôn xã Cát Tường (9,66ha) được phê duyệt tại Quyết định số 6317/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND huyện Phù Cát và Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 04/02/2026 của UBND xã Xuân An tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước về xây dựng công trình và các nội dung, khối lượng công việc như sau:

1) Nhà thầu thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được Chủ đầu tư chấp thuận và biên bản đàm phán hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

2) Nội dung và khối lượng công việc của hợp đồng thi công xây dựng được quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và có thể bao gồm toàn bộ hoặc một số công việc sau:

a) Bàn giao và tiếp nhận, quản lý mặt bằng xây dựng, tiếp nhận và bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình;

b) Cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thi công xây dựng công trình theo hợp đồng;

c) Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;

d) Thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế. Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử đơn động và chạy thử liên động theo kế hoạch trước khi đề nghị nghiệm thu;

đ) Kiểm soát chất lượng công việc xây dựng và lắp đặt thiết bị; giám sát thi công xây dựng công trình đối với công việc xây dựng do Nhà thầu phụ thực hiện trong trường hợp là Nhà thầu chính hoặc tổng thầu;

e) Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có);

g) Thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;

h) Thực hiện nghiệm thu công việc chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;

i) Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ;

k) Bảo vệ công trường, mặt bằng thi công trong phạm vi hợp đồng thi công;

l) Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực công trường;

m) Hợp tác với các Nhà thầu khác trên công trường (nếu có);

n) Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành;

o) Các công việc khác trong quá trình thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận của hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

3) Cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công và thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

II. THỜI GIAN HOÀN THÀNH: 300 ngày kể từ ngày khởi công.

B. YÊU CẦU VỀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN: 300 ngày.

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hạng mục công trình/công trình theo ngày/tuần/tháng.

C. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. THÔNG TIN DỰ ÁN:

1. Tên dự án: Khu dân cư nông thôn xã Cát Tường (9,66ha).

2. Địa điểm: Xã Xuân An, tỉnh Gia Lai.

3. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư dự án Khu dân cư nông thôn Cát Tường nhằm hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu, đảm bảo xây dựng hoàn chỉnh, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan các điểm dân cư trên địa bàn xã, đồng bộ theo hướng phát triển đô thị quy hoạch được duyệt; Đồng thời phát triển quỹ đất giải quyết nhu cầu đất ở cho nhân dân và tạo nguồn thu cho ngân sách, đảm bảo phát triển bền vững.

4. Quy mô đầu tư: Theo Quyết định số 6317/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND huyện Phù Cát và Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 04/02/2026 của UBND xã Xuân An.

Xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu dân cư bao gồm: San nền mặt bằng; Hệ thống đường giao thông; Hệ thống vỉa hè và cây xanh; Hệ thống thoát nước mưa; Hệ thống thoát nước thải; hệ thống cấp nước sinh hoạt và PCCC; Hệ thống cấp điện & điện chiếu sáng.

a) San nền:

Tổng diện tích san nền khoảng 9,66 ha; cao độ san nền theo cao độ khống chế tại các vị trí nút giao thông theo quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt, chiều cao đắp nền trung bình 1,5m, vật liệu san nền bằng đất cấp phối đồi đầm chặt K=0,90. Cốt san nền trong lô thấp hơn cốt vỉa hè 10cm.

b) Đường giao thông:

- Xây dựng 11 tuyến đường giao thông với quy mô đường phố nội bộ (theo TCXDVN 104-2007 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế), có lộ giới từ 12,5m - 30m với tổng chiều dài khoảng L=2.474m; tốc độ thiết kế $V_{tt} = 30\text{km/h}$; tải trọng trục tính toán: $P = 10$ tấn/trục.

- Kết cấu: Nền đường đắp cấp phối đồi đầm chặt K95 dày 30cm; Mặt đường thảm lớp BTN C12,5 dày 7cm trên các lớp tưới nhựa dính bám; Lớp cấp phối đá dăm loại 1, Dmax25 dày 14cm; lớp đá dăm loại 1 Dmax37,5 dày 16cm.

- Bó vỉa bằng BT M250 đá 1x2.

- Vỉa hè lát gạch Terrazzo kích thước (40x40x3,2)cm, trên lớp đệm bằng vữa xi măng M75 dày 3cm.

c) Cây xanh:

- Xây dựng hệ thống cây xanh vỉa hè loại cây bóng mát và cây trang trí, kết cấu hố trồng bằng ống buy D80cm, chiều sâu 1m, bên trong đắp đất hữu cơ.

d) Hệ thống thoát nước mưa:

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước mưa, bao gồm 2 hệ thống:

+ Hệ thống mương thủy lợi kết hợp thoát nước mặt gồm 02 nhánh: Nhánh 1 ở phía đông khu dân cư xây dựng, nhánh 2 nằm trong khu dân cư trên cơ sở mương hiện trạng, có mặt cắt dạng hình thang, kết cấu mái bằng tấm lát BTXM đúc sẵn M200 dày 6cm, chân khay gia cố mái bằng BTXM, M150 trên lớp đệm đá dăm 2x4.

+ Hệ thống cống dọc và ngang xây dựng theo hình thức cống ngầm đặt một bên trên vỉa hè, kết cấu bằng ống BTLT đúc sẵn đường kính từ 600 đến 800mm. Đối với cống dọc tải trọng Hvh, các cống ngang qua đường tải trọng H30. Xây dựng các hố ga bằng BTCT M200, có bố trí cửa thu nước ngăn mùi bằng gang.

+ Xây dựng 03 Cầu bản hộp giao cắt với các tuyến đường giao thông nội bộ và tuyến đường ĐH 20 bằng BTCT đổ tại chỗ.

e) Hệ thống thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải thiết kế đi riêng với hệ thống thoát nước mưa có tổng chiều dài khoảng $L = 2.581\text{m}$, bằng ống nhựa HDPE- PE100, đường kính D250mm. Thu gom nước thải tự chảy đưa về khu vực xử lý chung bằng bể tự hoại 05 ngăn tại khu (XLNT) phía Bắc công trình.

- Xây dựng các hố ga thu, ga thăm bằng bê tông M200 đá 2x4. Tổng số 167 cái.

f) Hệ thống cấp nước sinh hoạt & PCCC:

- Nguồn cung cấp: Nguồn cấp nước cho dự án là tuyến ống D160 dọc đường ĐH 20

của Nhà máy cấp nước Cát Tường.

- Điểm đầu nối: Vị trí đầu nối tại đầu khu dân cư trên đường tỉnh lộ ĐH20 (vị trí đầu nối sau khi ống hiện có D150 qua kênh thủy lợi của hệ thống kênh Văn Phong).

- Mạng lưới đường ống: Mạng lưới cấp nước chủ yếu là mạng lưới mạch vòng và kết hợp dạng xương cá. Mạng lưới đường ống chính đường kính D140mm và D110mm, đường ống nhánh D63mm bằng ống nhựa HDPE.

- Bố trí hòng cứu hỏa: Hòng cứu hỏa D110 được bố trí nổi, gần các ngã 3,4 và dọc các tuyến đường. Cự ly cách nhau tối đa giữa hai trụ cứu hỏa là 150m.

- + Số lượng trụ cứu hỏa (bên ngoài): 11 trụ.

g) Hệ thống cấp điện:

- Di dời đường dây 22KV XT476 PCA có chiều dài tuyến khoảng $L_t = 350m$.

- Xây dựng mới đường dây 22kV đi ngầm sau khi di dời đường dây 22KV XT476 PCA có chiều dài tuyến khoảng $L_t = 450m$.

- Xây dựng mới đường dây 22kV ngầm cấp điện cho 02 TBA .

- Xây dựng mới trạm biến áp 3 pha: 02 TBA 400kVA-22/0,4kV.

- Xây dựng mới đường dây 0,4kV với tổng chiều dài tuyến khoảng $L_t = 2.731m$.

- Xây dựng mới đường dây chiếu sáng ngầm với tổng chiều dài tuyến khoảng $L_t = 2.484m$.

- + Kết cấu chi tiết:

- * Đường dây trung thế 22kV:

- Phần cải tạo tuyến 22kV XT 476/PCA hiện có nằm ngoài quy hoạch phải cải tạo nhằm bảo đảm an toàn khi bố trí đường dây 22kV và đường dây 0,4kV hoàn trả cấp điện lại cho khu dân cư hiện trạng, xây dựng 08 cột 16m và 01 cột thép 12,1m cho tuyến này.

- Là tuyến điện trung thế đi ngầm trong mương đất, cáp 3xCXV/DSTA(1x240)mm² được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE, các vị trí vượt đường giao thông cáp được bảo vệ trong ống PI.

- Bố trí 02 tủ RMU-4N cấp điểm đầu nối và cấp điện cho 02 TBA xây dựng mới.

- Sử dụng lại xà và cách điện, phụ kiện hiện trạng cấp điện áp 22kV.

- * Đường dây cấp điện 0,4kV.

- Xây dựng mới 02 hệ đường dây hạ thế 0,4kV sau 02 trạm biến áp dân cư xây dựng mới cấp điện cho từng khu vực trong chỉ giới của dự án theo phân bố dân cư và phụ tải vùng. Giải pháp tuyến cấp điện hạ thế 0,4kV luồn ống chôn ngầm trong mương đất cấp đến từng cụm khu dân cư mới, phụ tải điện thông qua tủ điện phân phối hạ thế lắp trên vỉa hè đường.

- Đường dây hạ thế 0,4kV được chia thành 02 hệ tương ứng với 02 nguồn cấp từ 02 trạm biến áp lắp mới cho các khu vực dân cư (xem thêm mặt bằng bố trí).

- Tổng dài tuyến 0,4kV hạ thế ngầm: $L=2.731\text{m}$, cáp lực hạ thế CXV/ DSTA $(3 \times 95 + 1 \times 50)\text{mm}^2$ luồn ống xoắn bảo vệ HDPE 105/80mm, 130/100mm ; bảo vệ cáp vượt đường bằng ống thép STK-D(114-140).

- Tủ điện phân phối hạ thế + Bộ móng tủ: 57 tủ.

- Tiếp địa tủ điện: 65 vị trí (dự kiến R-3C).

- Đầu nối hệ phụ tải: Hệ ống chờ sau tủ đến vị trí đầu lô đất; $SL = 57$ hệ.

- Phần cấp điện hoàn trả lưới của TBA Xuân An 4 đi nối lắp trên các cột BTLT xây dựng mới, Cột BTLT 8,5m: 10 cột, phụ kiện đường dây hạ thế 0,4kV đi nối: 01 hệ.

* Đường dây chiếu sáng:

Trang bị mới 02 hệ chiếu sáng công cộng (lấy nguồn điều khiển tại 02 tủ chiếu sáng đặt tại cột TBA). Sử dụng hệ chiếu sáng đi ngầm, cột thép mạ.

- Tổng dài tuyến chiếu sáng ngầm: $L=2.484\text{m}$, cáp chiếu sáng CXV $(3 \times 16 + 1 \times 10)\text{mm}^2$ luồn ống xoắn bảo vệ HDPE 65/50mm và 50/40mm; bảo vệ cáp vượt đường bằng ống thép STK-D60.

- Đèn chiếu sáng loại tiết kiệm năng lượng điện: LED- (70W-120W) sáng vàng nhạt, chiếu sáng một phía.

- Số đèn chiếu sáng sử dụng là: 63 bộ đèn LED (70W-120W).

- Cột 6m + Cần 2m, vươn 1,5m thép mạ: 46 cụm (sử dụng LED-70W).

- Cột 9m+ Cần 2m, vươn 1,5m thép mạ: 17 cụm (sử dụng LED-120W).

- Tủ điều khiển chiếu sáng 03 chế độ: 02 tủ (tại TBA).

+ TBA KDC NT Cát Tường 1:

- Điểm đầu: tại Tủ RMU-4N-1 XT 476PCA.

- Điểm cuối: cột (TBA 400kVA-22/0,4kV KDC NT Cát Tường 1) xây dựng mới.

- Cáp: Cáp ngầm trung thế $3 \times M(1 \times 70)$ - CXV/DSTA $(1 \times 70)\text{mm}^2$ -24KV, với chiều dài tuyến $L_t = 07\text{m}$.

+ TBA KDC NT Cát Tường 2:

- Điểm đầu: tại cột RMU-4N-2 XT 476PCA.

- Điểm cuối: cột (TBA 400kVA-22/0,4kV KDC Cát Tường 2) xây dựng mới.

- Cáp: Cáp ngầm trung thế $3 \times M(1 \times 70)$ - CXV/DSTA $(1 \times 70)\text{mm}^2$ -24KV, với chiều dài tuyến $L_t = 07\text{m}$.

Lưu ý: Quy mô chi tiết của các hạng mục công trình xem hồ sơ thiết kế BVTC đính kèm.

5. Loại, cấp công trình: Công trình HTKT, cấp III.

6. Nhóm dự án: Nhóm C.

7. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 104.943.135.000 đồng.

II. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT:

1. Hiểu biết của nhà thầu:

1.1. Hiểu biết của nhà thầu về mục tiêu và quy mô đầu tư xây dựng của dự án.

1.2. Hiểu biết của nhà thầu về thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng:

- Yêu cầu đối với thi công xây dựng công trình;
- Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư trong việc thi công xây dựng công trình;
- Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu thi công xây dựng;
- An toàn trong thi công xây dựng công trình;
- Bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình.

1.3. Hiểu biết của nhà thầu về quản lý thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật:

- Nội dung quản lý thi công xây dựng công trình;
- Trình tự quản lý thi công xây dựng công trình;
- Quản lý vật liệu xây dựng, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình;
- Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng;
- Trách nhiệm của người lao động trong việc đảm bảo an toàn lao động trên công trường;
- Quản lý khối lượng thi công xây dựng;
- Quản lý tiến độ thi công xây dựng;
- Trách nhiệm của nhà thầu trong bảo hành công trình xây dựng.

2. Các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công:

2.1. Phương án tổ chức thi công tổng thể: Trình bày chi tiết kế hoạch triển khai, bao gồm cách thức tổ chức quản lý hiện trường, bố trí công trường, hệ thống an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

2.2. Biện pháp thi công chi tiết: Các bước thực hiện cụ thể cho từng hạng mục công việc, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật gồm thuyết minh và bản vẽ thi công.

3. Tiến độ thi công:

Biểu tiến độ thi công phải: Hợp lý, khả thi, phù hợp với giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công, huy động thiết bị, bố trí nhân lực và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

4. Biện pháp quản lý chất lượng:

4.1. Giải pháp trắc đạc, quản lý công tác đo đạc, quan trắc, định vị mốc giới công trình:

- Đề xuất giải pháp trắc đạc chi tiết, khoa học và phù hợp với yêu cầu của gói thầu và quy định của pháp luật.
- Có biện pháp thiết lập, bảo vệ và quản lý mốc chuẩn, mốc khống chế, đảm bảo độ chính xác cao trong suốt quá trình thi công.
- Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan

4.2. Giải pháp tổ chức, quản lý thí nghiệm xây dựng trong quá trình thi công xây dựng công trình:

- Đề xuất được kế hoạch thí nghiệm khoa học, đầy đủ, tuân thủ E-HSMT và các quy định pháp luật hiện hành.
- Lựa chọn phòng thí nghiệm có đầy đủ năng lực và được cấp phép theo quy định.
- Có quy trình quản lý mẫu, giám sát và xử lý kết quả rõ ràng, đảm bảo chất lượng vật liệu được kiểm soát chặt chẽ.

4.3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn thi công, nghiệm thu áp dụng cho công tác thi công công trình:

- Nêu rõ danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho từng hạng mục công việc; các tiêu chuẩn này phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, an toàn, môi trường và nghiệm thu theo quy định hiện hành.
- Có quy trình kiểm soát chất lượng, thí nghiệm vật liệu, kiểm tra và nghiệm thu nội bộ rõ ràng.
- Các tiêu chuẩn viện dẫn phù hợp với lĩnh vực công trình.

4.4. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

- Vật tư được sử dụng trong Công trình đều mới, chưa từng qua sử dụng, thuộc thế hệ mới nhất, đã đưa vào tất cả các cải tiến về thiết kế và vật liệu. Các loại vật tư, vật liệu phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp; không chào nhiều hãng sản xuất cho một đơn vị hàng hóa.

Có hợp đồng nguyên tắc với nhà sản xuất hoặc đơn vị cung cấp hoặc đại lý (ghi rõ cho gói thầu này) đối với các vật tư, vật liệu được yêu cầu (tại bảng yêu cầu về vật tư, vật liệu, thiết bị, cấu kiện,... đưa vào thi công công trình); phải đính kèm Giấy đăng ký kinh doanh của nhà sản xuất trong nước hoặc đơn vị cung cấp hoặc đại lý có lĩnh vực kinh doanh phù hợp.

- Yêu cầu về vật tư, vật liệu, thiết bị, cấu kiện,... đưa vào thi công công trình:

STT	Loại vật tư, vật liệu, thiết bị đưa vào phục vụ thi công công trình	Nguồn gốc, xuất xứ, thương hiệu, nhà cung cấp vật liệu
1.	Xi măng PCB40	Phúc Sơn hoặc tương đương
2.	Đá dăm 1x2; 2x4; 4x6	Trên thị trường tỉnh Gia Lai
3.	Cát vàng, cát mịn	Trên thị trường tỉnh Gia Lai
4.	Thép tròn (tròn trơn, vằn) các loại	Hòa Phát hoặc tương đương
5.	Thép hình, thép hộp mạ kẽm	Hòa Phát hoặc tương đương
6.	Gạch không nung	Trên thị trường tỉnh Gia Lai
7.	Gạch Terazo	Trên thị trường tỉnh Gia Lai
8.	Ống cống BTLT các loại	Hòa Phát hoặc tương đương
9.	Ống nhựa và phụ kiện HDPE	Đạt Hòa hoặc tương đương
10.	Phụ kiện gang các loại	Hada hoặc tương đương
11.	Van gang	AUT- Malaysia hoặc tương đương
12.	Van ren các loại	Miha hoặc tương đương
13.	Van xả khí	AUT- Malaysia hoặc tương đương
14.	Máy biến áp 3 pha 400kVA-22/0,4kV	Thibidi-VN hoặc tương đương
15.	Tủ tụ bù hạ thế 200KVA-440V trọn bộ (10 cấp)	Linh kiện nhập khẩu lắp ráp tại Việt Nam.
16.	Tủ RMU-24kV ghép modul 04 ngăn - loại có khả năng mở rộng (03 ngăn tủ LBS 630A 20kA/s-3P cho cấp nguồn trực đến/đi; 01 ngăn máy cắt MC-630 cho cấp nguồn đến TBA)	Linh kiện nhập khẩu lắp ráp tại Việt Nam.

STT	Loại vật tư, vật liệu, thiết bị đưa vào phục vụ thi công công trình	Nguồn gốc, xuất xứ, thương hiệu, nhà cung cấp vật liệu
17.	Chống sét van ĐD: LA-18KV	SINCO hoặc tương đương
18.	Dao cắt có tải kiểu kín -LBS-C-24kV-630A + xà lắp	Lotech hoặc tương đương
19.	Dao cắt kiểu hở -FLA-24kV	Lotech hoặc tương đương
20.	Máy bơm giếng khoan, công suất 1,5kw-3HP	Theo hồ sơ thiết kế
21.	Tủ điện điều khiển máy bơm 1,5Kw-3 HP	Theo hồ sơ thiết kế
22.	Cột đèn thép tròn côn mạ kẽm nhúng nóng	Theo hồ sơ thiết kế
23.	Cụm chóa đèn cao áp chiếu sáng Led	Theo hồ sơ thiết kế
24.	Cần đèn đơn, đôi mạ kẽm nhúng nóng	Theo hồ sơ thiết kế
25.	Cáp ngầm chiếu sáng	LS hoặc tương đương
26.	Cáp ngầm trung thế	Cadivi hoặc tương đương
27.	Cột BTLT	Trên thị trường tỉnh Gia Lai
28.	Cây xanh	Trên thị trường tỉnh Gia Lai

*** Ghi chú:** Đối với vật liệu đất đắp:

- Trường hợp 1: Chủ đầu tư sẽ giao vị trí mỏ đất đã được quy hoạch điểm mỏ. Nhà thầu tham dự phải có văn bản cam kết về việc “chủ động làm việc với các cơ quan chức năng, hoàn thành các thủ tục để đảm bảo đủ điều kiện cấp phép khai thác mỏ đất đắp. Nhà thầu phải chịu toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc làm thủ tục cấp phép khai thác mỏ đất đắp nêu trên, kể cả chi phí bồi thường, GPMB”.

- Trường hợp 2: Trong trường hợp nhà thầu không sử dụng mỏ đất mà chủ đầu tư đã giao để làm thủ tục khai thác, Nhà thầu phải chứng minh có khả năng huy động nguồn vật liệu đất đắp đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật về khoáng sản, trữ lượng đất đắp khai thác phải lớn hơn hoặc bằng khối lượng đất đắp trong hồ sơ mời thầu.

Nhà thầu phải có văn bản cam kết hoặc chứng minh có khả năng huy động nguồn vật liệu đất đắp đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật về khoáng sản.

4.5. Biện pháp đảm bảo chất lượng công trình:

- Trình bày rõ hệ thống quản lý chất lượng và biện pháp kiểm soát chất lượng trong suốt quá trình thi công.

- Có kế hoạch thí nghiệm vật liệu, cấu kiện, thiết bị, kiểm tra định kỳ, nghiệm thu nội bộ.

- Nêu biện pháp quản lý hồ sơ chất lượng, nhật ký thi công, biên bản nghiệm thu theo quy định.

- Có quy trình kiểm soát vật liệu đầu vào, nguồn cung ứng, bảo quản, vận chuyển.

- Biện pháp đảm bảo chất lượng phù hợp yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT, tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành (TCVN, QCVN).

4.6. Lắp đặt camera: Cam kết lắp đặt đủ camera hoạt động 24 giờ/ ngày để theo dõi xuyên suốt diễn biến, quá trình thi công công trình; giám sát việc nhập vật tư, vật liệu đầu vào tại công trình xây dựng; ghi hình việc thi công xây dựng tại công trình, việc thí nghiệm, kiểm định ... làm cơ sở để kiểm tra, giám sát, quản lý chất lượng.

5. Biện pháp đảm bảo an toàn thi công:

- Trình bày biện pháp đảm bảo an toàn lao động đầy đủ, phù hợp đặc thù công trình.

- Có biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, cháy nổ, kèm hướng dẫn an toàn cụ thể.

- Trình bày tổ chức quản lý an toàn lao động, có cán bộ an toàn được đào tạo, chứng nhận, giám sát trong suốt quá trình thi công.

- Có biện pháp trang bị bảo hộ cá nhân, biển báo, rào chắn, chiếu sáng, thoát hiểm, PCCC, và quy trình ứng phó sự cố.

- Tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn.

6. Biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường:

- Trình bày rõ biện pháp quản lý, kiểm soát các yếu tố gây ô nhiễm môi trường (bụi, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn, vật liệu dư thừa, dầu mỡ rò rỉ...)

- Có biện pháp thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải xây dựng đúng quy định.

- Có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí, nước, đất, bảo đảm vệ sinh khu vực thi công và khu vực xung quanh.

- Có biện pháp che chắn, thu gom vật liệu rơi vãi, phun nước chống bụi, bố trí bãi tập kết vật liệu hợp lý, hệ thống thoát nước tạm.

- Biện pháp nêu ra phù hợp với yêu cầu E-HSMT, Luật và quy chuẩn hiện hành.

7. Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển:

- E-HSDT trình bày rõ tuyến đường, phương án vận chuyển vật liệu.

- Có biện pháp tổ chức giao thông hợp lý, đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và công trình hạ tầng dọc tuyến.

- Có biện pháp che chắn, phủ bạt, rửa xe, vệ sinh bánh xe, thu gom bùn đất, bụi bẩn để tránh gây ô nhiễm và mất an toàn.

- Có biện pháp kiểm soát tải trọng xe, tốc độ, thời gian lưu thông, tránh ùn tắc, hạn chế đi vào giờ cao điểm, khu dân cư.

- Có biện pháp đảm bảo an toàn tại các điểm giao cắt, ra vào công trường, bố trí người hướng dẫn, biển báo, đèn chiếu sáng, rào chắn.

- Có kế hoạch phối hợp với chính quyền, cơ quan chức năng, quản lý giao thông địa phương trong quá trình vận chuyển.

8. Bảo hành công trình: Thời gian bảo hành 24 tháng.

- E-HSDT thể hiện cam kết thực hiện bảo hành công trình theo đúng quy định trong E-HSMT và pháp luật hiện hành.

- Nêu rõ thời gian bảo hành, phạm vi bảo hành, trách nhiệm của nhà thầu, biện pháp khắc phục khiếm khuyết, cách thức thực hiện bảo hành.

- Cam kết thời gian khắc phục khiếm khuyết nhanh chóng, không ảnh hưởng đến khai thác công trình.

9. Bàn giao công trình cho đơn vị chuyên ngành và địa phương quản lý, vận hành, khai thác sử dụng và bảo hành công trình

Nhà thầu có cam kết đồng ý các nội dung như sau:

- Sau khi gói thầu thi công hoàn thành và được nghiệm thu, nhà thầu vẫn phải có trách nhiệm bỏ kinh phí để quản lý, chăm sóc, bảo vệ tài sản theo quy định, quy trình. Đồng thời hỗ trợ, phối hợp chủ đầu tư làm việc với các đơn vị liên quan trong công tác bàn giao công trình cho đến khi hoàn thành việc bàn giao công trình cho đơn vị chuyên ngành (hoặc địa phương) quản lý, vận hành, khai thác sử dụng thì nhà thầu mới được xem là hoàn thành nghĩa vụ thi công công trình theo hợp đồng.

10. Giải pháp quản lý việc vận chuyển đất, cát trái phép: Có giải pháp và có cam kết chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trực tiếp làm việc với các cơ quan có thẩm quyền nếu để xảy ra việc vận chuyển đất, cát trái phép.

11. Cam kết khi các cơ quan có thẩm quyền của nhà nước (thanh tra, kiểm toán,...) có ý kiến kết luận giảm trừ giá trị của công trình bằng văn bản thì nhà thầu nghiêm túc thực hiện việc giảm trừ hoặc nộp tiền trả ngân sách theo kết luận đó đúng thời gian quy định.

IV. CÁC BẢN VẼ

Nhà thầu sẽ được cung cấp toàn bộ bản vẽ (file *.pdf) đã được phê duyệt làm cơ sở cho việc lập E-HSDT đính kèm cùng E-HSMT trên hệ thống đấu thầu Quốc gia.